

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 322/TTr-SNV ngày 20/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh, cụ thể như sau:

1. Mức tiền lương kế hoạch năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng thành viên chuyên trách là: 41,832 triệu đồng/tháng, tương ứng với quỹ tiền lương là 502 triệu đồng/năm.

2. Mức tiền lương kế hoạch năm 2025 của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là: 35,085 triệu đồng/tháng, tương ứng với quỹ tiền lương là 421 triệu đồng/năm.

3. Mức thù lao bình quân của Thành viên Hội đồng thành viên không chuyên trách: 5,00 triệu đồng/người/tháng, tương ứng với quỹ thù lao của 04 người là: 240 triệu đồng/năm.

Điều 2.

1. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm về sự chính xác và phù hợp với quy định hiện hành đối với mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của từng Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh, theo phê duyệt nêu ở Điều 1.

2. Các Sở: Nội vụ, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di

Linh trong việc thực hiện chế độ tiền lương đối với Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Hội đồng thành viên và Trưởng ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *MU*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LD VP;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1010/UBND-TH

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 6 năm 2025

V/v quỹ tiền lương kế hoạch năm
2025 của người lao động và Ban
điều hành Công ty TNHH MTV
Lâm nghiệp Di Linh

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh.

Xét Tờ trình số 322/TTr-SNV ngày 20/6/2025 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên; cho ý kiến về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của người lao động và Ban điều hành các Công ty TNHH 100% vốn nhà nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của Ban điều hành và người lao động Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh, cụ thể:

a) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của 3,0 người Ban điều hành là: 1.231 triệu đồng;

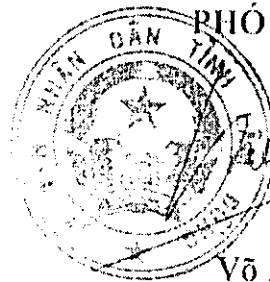
b) Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của 70 người lao động là: 9.199 triệu đồng.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh theo chức năng nhiệm vụ được phân công, triển khai thực hiện theo đúng các nội dung nêu trên. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định. *Uu*

Nơi nhận:

- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Như trên;
- LD VP;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Hiệp

Số: 104/Tr-HĐTV Di Linh, ngày 25 tháng 5 năm 2025

NH

Về việc thẩm định kế hoạch năm 2025

Kính gửi UBND tỉnh Lâm Đồng
(Giữ tỉnh Lâm Đồng)

Căn cứ Nghị định số 44 ngày 28/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ, về quản lý lao động, tiền lương trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 003/TBXH ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ, về việc hướng dẫn thực hiện quản lý nhân sự, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 9 ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Di Linh;

Thực hiện Văn bản số 500/SLĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng, về việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao tại doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ vào quỹ tiền lương năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh báo cáo quỹ tiền lương, năm 2025 như sau:

1. Lao động:

- Số lao động bình quân (điều hành) kế hoạch năm 2025 là 73 người. Trong đó:

+ Số người lao động là 02 người so với thực hiện năm 2024.

+ Số thành viên Ban điều hành gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc, 01 Kế toán trưởng, không tăng so năm 2024.

- Thành viên Hội đồng có 01 người là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách đồng thời là Trưởng Ban Kiểm soát.

- Thành viên Hội đồng công chuyên trách có 04 người.

(theo mẫu số 1)

2. Quỹ tiền lương của công nhân và Ban điều hành:

Quỹ tiền lương kế hoạch 10.430.000.000 đồng. Trong đó:

- Quỹ tiền lương của công nhân 9.199.000.000 đồng;

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành 1.231.000.000 đồng.

(theo mẫu số 2)

3. Mức tiền lương, thù lao thành viên hội đồng, Trưởng ban kiểm soát:

a) Mức tiền lương của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên: 41,832 triệu đồng/tháng.

- Trưởng ban kiểm soát: 35,085 triệu đồng/tháng.

b) Mức thù lao của Thành viên Hội đồng thành viên: 5 triệu đồng/tháng.

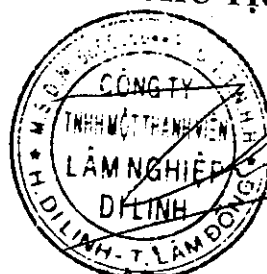
(kèm theo biểu mẫu số 4)

Trên đây là báo cáo quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh. Kính đề nghị Hội đồng xem xét thẩm định trình UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt để công ty có cơ sở triển khai thực hiện. /, /, /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng;
- Chủ tịch HĐQT;
- BGD; KSV Công ty;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Thái

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM TRƯỚC VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: 104 /TTr-HDTV ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh)

Đơn vị tính: Người

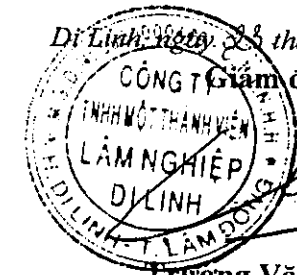
TT	Tổng số	Tình hình sử dụng lao động năm trước					Kế hoạch sử dụng lao động năm 2025		
		Số lao động bình quân năm kế hoạch	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12	Số lao động mới trong năm	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động sử dụng bình quân thực tế sử dụng trong năm	Số lao động mới trong năm	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động bình quân năm kế hoạch
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Người quản lý, Kiểm soát viên, trong đó:	9	9	0	0	9	0	0	9
-	Số thành viên Ban điều hành	3	3	0	0	3	0	0	3
-	Thành viên Hội đồng chuyên trách	1	1	0	0	1	0	0	1
-	Kiểm soát viên chuyên trách	1	1	0	0	1	0	0	1
-	Thành viên Hội đồng không chuyên trách	4	4	0	0	4	0	0	4
2	Lao động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ	47	47	2	3	49	0	0	49
3	Công nhân trực tiếp SXKD	22	24	0	6	14	0	2	12
4	Lao động thừa hành phục vụ	8	9	2	1	9	0	0	9
Tổng cộng		82	85	4	10	77	0	2	75

Người lập biểu

Trần Hoàng Nhất

Trần Hoàng Nhất

Di Linh, ngày 23 tháng 5 năm 2025



Trương Văn Hiếu

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2025
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

(đối với doanh nghiệp xác định quỹ lương thông qua mức lương bình quân)

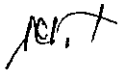
(Kèm theo Tờ trình số: 104/TTr-HDTV ngày 23 tháng 5 năm 2025 của

Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh)

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
1	2	3	4	5
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh			
1	Tổng sản phẩm (Kể cả quy đổi)			
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	40.111	44.000
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	26.523	29.757
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	2.414	2.650
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng	1.928	2.120
6	Năng suất lao động (Tổng doanh thu - Tổng chi phí chưa có tiền lương)	Tr.đồng/năm	181,173	195,110
II	Tiền lương của người lao động và Ban điều hành (không bao gồm lao động công nghệ cao)			
1	Số lao động bình quân, trong đó:	Người	75	73
-	Số thành viên Ban điều hành (theo chế độ bổ nhiệm) bình quân	Người	3	3
-	Số lao động bình quân (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo HĐLĐ)	Người	72	70
2	Tiền lương bình quân của người lao động và Ban điều hành, trong đó:	1.000đ/tháng	11.056	11.906
a)	Người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo HĐLĐ)	1.000đ/tháng	10.130	10.951
b)	Ban điều hành (theo chế độ bổ nhiệm), trong đó:	1.000đ/tháng	33.278	34.194
-	Giám đốc	1.000đ/tháng	37.081	37.800
-	Phó giám đốc	1.000đ/tháng	32.802	33.750
-	Kế toán trưởng	1.000đ/tháng	29.950	31.050
3	Quỹ tiền lương người lao động và Ban điều hành, trong đó:	Tr.đồng	9.950	10.430
-	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng		
-	Phần tiền lương thực hiện tăng thêm khi lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch (nếu có)	Tr.đồng		
-	Phần quỹ lương theo sản phẩm, dịch vụ công (đối với doanh nghiệp vừa thực hiện sản phẩm, dịch vụ công, vừa thực hiện hoạt động SXKD)	Tr.đồng	9.950	10.430
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng		
III	Tiền lương của lao động công nghệ cao			
1	Số lao động công nghệ cao bình quân	Người		
2	Phần tiền lương của lao động công nghệ cao	Tr.đồng		
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/tháng		

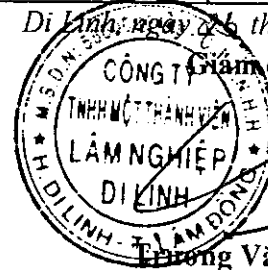
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng		
IV	Tiền thưởng			
1	Quý tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo HĐLĐ)	Tr.đồng	2.188	2.300
2	Tiền thưởng bình quân của người lao động và Ban điều hành (không bao gồm lao động công nghệ cao). Trong đó:	1.000đ/tháng	3.436	3.548
-	Người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo HĐLĐ)	1.000đ/tháng	1.266	1.369
-	Giám đốc	1.000đ/tháng	4.635	4.725
-	Phó giám đốc	1.000đ/tháng	4.100	4.219
-	Kế toán trưởng	1.000đ/tháng	3.744	3.881
3	Tiền thưởng bình quân của lao động công nghệ cao	1.000đ/tháng		

Người lập biểu



Trần Hoàng Nhất

Di Linh, ngày 06 tháng 5 năm 2025



Giám đốc



Trương Văn Hiếu

I. **Thuyết minh quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của người lao động và Ban điều hành**

1. **Tổng doanh thu chi phí chưa có lương, lợi nhuận kế hoạch năm 2025:**

1.1. **Tổng doanh thu kế hoạch năm 2025 là: 44.000 triệu đồng**

1.2. **Tổng chi phí chưa có lương là: 29.757 triệu đồng**

1.3. **Lao động bình quân sử dụng: 73 người**

1.4. **Năng suất lao động: $(44.000 - 29.757)/73 = 195,110$**

1.5. **Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 2025:**

$$44.000 - 29.757 - 10.430 - 923 - 240 = 2.650 \text{ triệu đồng}$$

2. **Quỹ tiền lương kế hoạch 2025 của người lao động và Ban điều hành:**

Tổng số lao động và thành viên Ban điều hành kế hoạch năm 2025 là 73 người, giảm 02 lao động so với thực hiện năm 2024.

- Năng suất lao động kế hoạch năm 2025 cao hơn so với thực hiện 2024 ($195,110/181,173$)
- Lợi nhuận trước thuế kế hoạch năm 2025 (2.650 triệu đồng) cao hơn 9,78% so với thực hiện năm 2024 (2.414 triệu đồng).

Căn cứ quy định tại Điều 7 và Điều 9 Thông tư số 003/2025/TT-BNV.

Quỹ tiền lương được tính như sau:

- $Q_{kh} = TL_{bqkh} \times L_{khhq} \times 12$

- $L_{khhq} = 73;$

- $TL_{bqkh} = TL_{bqthnt} + TL_{bqthnt} \times (W_{kh}/W_{thnt} - 1) \times H_{tln}$
 $= 11,056 + (11,056 \times (195,110/181,173 - 1) \times 1) = 11,906.$

- $Q_{kh} = 11,906 \times 73 \times 12 = 10.430 \text{ triệu đồng. Trong đó:}$

+ **Quỹ lương của người lao động: 9.199 triệu đồng**

+ **Quỹ lương của Ban điều hành: 1.231 triệu đồng**

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH MỨC TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2025
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

(Kèm theo Tờ trình số: 04/TTr-HDTV ngày 23 tháng 5 năm 2025 của
Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
1	2	3	4	5
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh			
1	Vốn góp của chủ sở hữu tại doanh nghiệp	Tr.đồng	8.618	8.618
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	40.111	44.000
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	26.523	29.757
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	2.414	2.650
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng	1.928	2.120
6	Tỷ suất lợi nhuận	%	28,01	30,75
II	Mức lương của Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách			
1	Số Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	Người	2	2
2	Nhóm II, Mức 4			
3	Mức lương cơ bản, trong đó:			
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Tr.đ/tháng	27	31
-	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đ/tháng	24	26
4	Mức tiền lương được hưởng, trong đó:			
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Tr.đ/tháng	38,515	41,832
-	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đ/tháng	34,235	35,085
III	Thủ lao của thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách			
1	Số Thành viên hội đồng	Người	4	4
2	Thành viên hội đồng	Tr.đ/tháng	5,63	5,00
IV	Tiền thưởng			
1	Quỹ tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên	Tr.đồng	143	145
2	Tiền thưởng bình quân của người quản lý, Kiểm soát viên, trong đó:	Trđ/tháng	3,27	3,41
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Trđ/tháng	4,8	5,2
-	Trưởng ban kiểm soát	Trđ/tháng	4,3	4,4
-	Các Thành viên hội đồng	Trđ/tháng	0,70	0,63

Di Linh, ngày 23 tháng 5 năm 2025

Người lập biểu

Trần Hoàng Nhất

Giám đốc



Trương Văn Hiếu

I. Thuyết minh kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của người quản lý, Kiểm soát viên

1. Tổng doanh thu, chi phí chưa có lương, lợi nhuận kế hoạch năm 2025:

1.1. Tổng doanh thu kế hoạch năm 2024 là: 44.000 triệu đồng

1.2. Tổng chi phí chưa có lương là: 29.757 triệu đồng

1.3. Lao động bình quân hàng tháng: 73 người

1.4. Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 2025:

$$44.000 - 29.757 - 10.430 - 923 - 240 = 2.650 \text{ triệu đồng.}$$

cao hơn 9,78% so với thực hiện năm 2024 (2.414 triệu đồng)

1.5. Tỷ suất lợi nhuận kế hoạch 2025: 30,75%

Cao hơn 9,78% so với thực hiện năm 2024 (28,01%)

2. Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch 2025:

2.1. Quỹ tiền lương kế hoạch của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát:

- Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 thì:

"Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận kế hoạch không thấp hơn thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản"

- Để đảm bảo lợi nhuận, Công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch năm 2025 như sau:

+ Chủ tịch HĐQT: 41,832 triệu đồng/tháng

+ Trưởng ban kiểm soát: 35,085 triệu đồng/tháng

- Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2025 của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát là:

$$Q_{khet} = (41,832 + 35,085) \times 12 = 923 \text{ triệu đồng.}$$

2.2. Quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng

- Theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 thì:

"Mức thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách được xác định dựa theo thời gian thực tế làm việc nhưng tối đa không quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách"

- Mức lương cơ bản của Thành viên HĐQT chuyên trách theo khoản 1 Điều 20

Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 (Nhóm II, Mức 4) là 25 triệu đồng/tháng.

- Để đảm bảo lợi nhuận, Công ty đề xuất mức thù lao là: 5 triệu đồng/người/tháng

- Số lượng Thành viên Hội đồng thành viên kế hoạch 2025: 04 người

- Tổng quỹ thù lao của Thành viên Hội đồng thành viên:

$$Q_{tvkh} = 5 \times 4 \times 12 = 240 \text{ triệu đồng}$$

2.3. Quỹ tiền thưởng thực hiện của Thành viên hội đồng và Kiểm soát viên

$$(923 + 240) / 12 \text{ tháng} \times 1,5 \text{ tháng lương} = 145 \text{ triệu đồng.}$$